

Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12

**CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ**

**CÔNG VĂN ĐẾN**

Số:.....1035.....

Ngày...17 tháng...3 năm 09...

Kính chuyển:.....

**PHÁP LỆNH  
ÁN PHÍ, LỆ PHÍ TOÀ ÁN**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/2007/QH12 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XII (2007-2011) và năm 2008;*

*Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án.*

**CHƯƠNG I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Pháp lệnh này quy định về các loại án phí, lệ phí Toà án đối với người bị kết án, đương sự trong các vụ án hình sự, dân sự, hành chính; mức án phí, lệ phí Toà án; nguyên tắc thu, nộp; điều kiện, thủ tục miễn; những trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí, án phí, lệ phí Toà án; nghĩa vụ nộp án phí, lệ phí Toà án; cơ quan có thẩm quyền thu; xử lý tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí, án phí, lệ phí Toà án; giải quyết khiếu nại về án phí, lệ phí Toà án.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Pháp lệnh này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam, cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến án phí, lệ phí Toà án.

**Điều 3. Án phí**

1. Án phí bao gồm các loại sau đây:

a) Án phí hình sự;

b) Án phí dân sự, gồm có các loại án phí giải quyết vụ án tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động;

c) Án phí hành chính.

2. Các loại án phí quy định tại khoản 1 Điều này gồm có án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

**Điều 4. Lệ phí Toà án**

1. Lệ phí giải quyết việc dân sự quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 6

Điều 26, các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Lệ phí công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài, bao gồm:

a) Lệ phí công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự, lao động, kinh doanh, thương mại, quyết định về tài sản trong bản án, quyết định hình sự, hành chính của Tòa án nước ngoài;

b) Lệ phí không công nhận bản án, quyết định dân sự, lao động, kinh doanh, thương mại, quyết định về tài sản trong bản án, quyết định hình sự, hành chính của Tòa án nước ngoài mà không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam;

c) Lệ phí công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài.

3. Lệ phí giải quyết các việc dân sự liên quan đến hoạt động Trọng tài thương mại Việt Nam.

4. Lệ phí nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

5. Lệ phí xét tính hợp pháp của cuộc đình công.

6. Lệ phí bắt giữ tàu biển, tàu bay.

7. Lệ phí thực hiện uỷ thác tư pháp của Tòa án nước ngoài tại Việt Nam.

8. Lệ phí cấp bản sao giấy tờ, sao chụp tài liệu tại Tòa án, bao gồm:

a) Lệ phí sao chụp tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc do Tòa án thực hiện;

b) Lệ phí cấp bản sao bản án, quyết định của Tòa án;

c) Lệ phí cấp bản sao giấy chứng nhận xoá án tích;

d) Lệ phí cấp bản sao các giấy tờ khác của Tòa án.

### **Điều 5. Mức án phí, lệ phí Tòa án**

Mức án phí, lệ phí Tòa án đối với từng loại vụ việc được quy định cụ thể tại Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh này.

### **Điều 6. Nguyên tắc thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án**

1. Án phí, lệ phí Tòa án được thu bằng đồng Việt Nam.

2. Cơ quan có thẩm quyền thu tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí, án phí, lệ phí Tòa án phải sử dụng chứng từ thu do Bộ Tài chính phát hành.

### **Điều 7. Tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí Tòa án**

1. Tiền tạm ứng án phí gồm có tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

2. Tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự gồm có tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm và tiền tạm ứng lệ phí phúc thẩm đối với trường hợp được kháng cáo quyết

định của Toà án cấp sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Điều 8. Nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí, án phí, lệ phí Toà án**

Cá nhân, cơ quan, tổ chức phải nộp tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí, án phí, lệ phí Toà án, trừ trường hợp không phải nộp hoặc được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí, án phí, lệ phí Tòa án theo quy định của Pháp lệnh này.

**Điều 9. Cơ quan thu tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí, án phí, lệ phí Tòa án**

1. Cơ quan thi hành án dân sự thu án phí quy định tại Điều 3 và các loại lệ phí Tòa án quy định tại các khoản 1, 4 và 5 Điều 4; điểm d khoản 1 Điều 43 của Pháp lệnh này.

2. Toà án thu lệ phí Tòa án quy định tại các khoản 3, 6 và 8 Điều 4; khoản 4 Điều 42 của Pháp lệnh này.

3. Bộ Tư pháp thu lệ phí Tòa án quy định tại khoản 2 và khoản 7 Điều 4 của Pháp lệnh này.

4. Cơ quan có thẩm quyền thu án phí, lệ phí Toà án quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có thẩm quyền thu tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí Tòa án.

**Điều 10. Không phải nộp tiền tạm ứng án phí, án phí**

Những trường hợp sau đây không phải nộp tiền tạm ứng án phí, án phí:

1. Người khiếu kiện về danh sách cử tri bầu cử đại biểu Quốc hội, danh sách cử tri bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

2. Cơ quan, tổ chức khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước;

3. Viện Kiểm sát khởi tố vụ án hành chính;

4. Viện kiểm sát kháng nghị bản án, quyết định của Toà án theo thủ tục phúc thẩm;

5. Cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án theo thủ tục phúc thẩm.

**Điều 11. Miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí**

Những trường hợp sau đây được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí:

1. Người khởi kiện vụ án hành chính là thương binh; bố, mẹ liệt sỹ; người có công với cách mạng;

2. Người lao động khởi kiện đòi tiền lương, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, tiền bồi thường về tai nạn lao động, bệnh nghề

nghiệp; giải quyết những vấn đề bồi thường thiệt hại hoặc vì bị sa thải, chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật;

3. Người yêu cầu cấp dưỡng, xin xác định cha, mẹ cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự;

4. Người khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong việc áp dụng hoặc thi hành biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục; đưa vào cơ sở chữa bệnh;

5. Cá nhân, hộ gia đình thuộc diện nghèo theo quy định của Chính phủ;

6. Người yêu cầu bồi thường về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm.

### **Điều 12. Không phải nộp tiền tạm ứng lệ phí, lệ phí Tòa án**

Những trường hợp sau đây không phải nộp tiền tạm ứng lệ phí, lệ phí Tòa án:

1. Người lao động nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã;

2. Ban chấp hành công đoàn cơ sở yêu cầu Tòa án xét tính hợp pháp của cuộc đình công;

3. Đại diện tập thể người lao động yêu cầu Tòa án xét tính hợp pháp của cuộc đình công;

4. Cơ quan, tổ chức yêu cầu Tòa án huỷ việc kết hôn trái pháp luật;

5. Viện kiểm sát kháng nghị các quyết định của Tòa án theo thủ tục phúc thẩm.

### **Điều 13. Miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng lệ phí, lệ phí Tòa án**

Cá nhân, hộ gia đình thuộc diện nghèo theo quy định của Chính phủ được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng lệ phí, lệ phí Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 4 của Pháp lệnh này.

### **Điều 14. Miễn nộp một phần tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí, án phí, lệ phí Tòa án**

1. Người có khó khăn về kinh tế được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc xác nhận, thì được Tòa án cho miễn nộp một phần tiền tạm ứng án phí, án phí.

2. Người có khó khăn về kinh tế được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc xác nhận, thì được Tòa án cho miễn nộp một phần tiền tạm ứng lệ phí, lệ phí Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 4 của Pháp lệnh này.

3. Mức tiền được miễn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không được vượt quá 50% mức tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí, án phí, lệ phí Tòa án mà người đó phải nộp.

### **Điều 15. Nộp đơn đề nghị miễn tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí, án phí, lệ phí Tòa án**

1. Người đề nghị được miễn tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí, án phí, lệ phí Tòa án thuộc trường hợp quy định tại các điều 11, 13 và 14 của Pháp lệnh này phải có đơn đề nghị nộp cho Tòa án có thẩm quyền kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh mình thuộc trường hợp được miễn.

2. Đơn đề nghị miễn tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí, án phí, lệ phí Tòa án phải có các nội dung chính sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm làm đơn;
- b) Họ, tên, địa chỉ của người làm đơn;
- c) Lý do và căn cứ đề nghị miễn tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí, án phí, lệ phí Tòa án;
- d) Xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc đối với trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 của Pháp lệnh này.

### **Điều 16. Thẩm quyền xét đơn đề nghị miễn tiền tạm ứng án phí, án phí**

1. Trước khi thụ lý vụ án, Thẩm phán được Chánh án Tòa án phân công có thẩm quyền xét đơn đề nghị miễn tiền tạm ứng án phí.

2. Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán được Chánh án Tòa án phân công giải quyết vụ án có thẩm quyền xét đơn đề nghị miễn tiền tạm ứng án phí của bị đơn có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án.

3. Thẩm phán được Chánh án Tòa án cấp sơ thẩm phân công có thẩm quyền xét đơn đề nghị miễn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

4. Trước khi mở phiên tòa sơ thẩm hoặc phúc thẩm, Thẩm phán được Chánh án Tòa án phân công giải quyết vụ án có thẩm quyền xét miễn án phí cho đương sự có yêu cầu.

5. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm hoặc phúc thẩm có thẩm quyền xét miễn án phí cho đương sự có yêu cầu khi ra bản án, quyết định giải quyết nội dung vụ án.

### **Điều 17. Thẩm quyền xét đơn đề nghị miễn tiền tạm ứng lệ phí, lệ phí Tòa án**

1. Trước khi thụ lý việc dân sự, Thẩm phán được Chánh án Tòa án phân công có thẩm quyền xét đơn đề nghị miễn tiền tạm ứng lệ phí Tòa án.

2. Thẩm phán được Chánh án Tòa án cấp sơ thẩm phân công có thẩm quyền xét đơn đề nghị miễn tiền tạm ứng lệ phí phúc thẩm.

3. Trước khi mở phiên họp sơ thẩm hoặc phúc thẩm, Thẩm phán được Chánh án Tòa án phân công giải quyết việc dân sự có thẩm quyền xét miễn lệ

phí Toà án cho đương sự có yêu cầu.

4. Tại phiên họp, Thẩm phán hoặc Hội đồng giải quyết việc dân sự có thẩm quyền xét miễn lệ phí giải quyết việc dân sự cho đương sự có yêu cầu khi ra quyết định giải quyết nội dung việc dân sự.

### **Điều 18. Xử lý tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí, án phí, lệ phí Toà án**

1. Toàn bộ án phí, lệ phí Tòa án thu được phải nộp đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước tại kho bạc nhà nước.

2. Tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí Tòa án được nộp cho cơ quan có thẩm quyền thu quy định tại Điều 9 của Pháp lệnh này để gửi vào tài khoản tạm giữ mở tại kho bạc nhà nước và được rút ra để thi hành theo quyết định của Tòa án.

3. Người đã nộp tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí Tòa án phải chịu án phí, lệ phí Tòa án thì ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành số tiền tạm ứng đã thu được phải chuyển vào ngân sách nhà nước.

4. Trường hợp người đã nộp tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí Tòa án được hoàn trả một phần hoặc toàn bộ số tiền đã nộp theo bản án, quyết định của Tòa án thì cơ quan đã thu tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí Tòa án phải làm thủ tục trả lại tiền cho họ.

5. Trường hợp việc giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính bị tạm đình chỉ, thì tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí Tòa án đã nộp được xử lý khi vụ việc được tiếp tục giải quyết.

6. Trường hợp vụ việc dân sự, vụ án hành chính bị đình chỉ theo quy định tại khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự hoặc các điểm a, b và c khoản 1 Điều 41 của Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính thì số tiền tạm ứng án phí đã nộp được sung vào công quỹ nhà nước.

7. Trường hợp việc giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính bị đình chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự hoặc khoản 3 Điều 41 của Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính thì tiền tạm ứng án phí được trả lại cho người đã nộp tiền tạm ứng án phí.

8. Trường hợp Tòa án ra quyết định đình chỉ việc xét đơn yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 320, khoản 2 Điều 325, khoản 3 Điều 331 và khoản 2 Điều 336 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tiền tạm ứng lệ phí Tòa án đã nộp được sung vào công quỹ nhà nước.

9. Trường hợp Tòa án xét xử giám đốc thẩm hủy bản án, quyết định phúc thẩm, giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm đúng pháp luật của Tòa án cấp dưới đã bị hủy hoặc bị sửa; Tòa án xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm hủy bản án, quyết định của Tòa án đã xét xử vụ án và đình chỉ giải quyết vụ án thì phải xem xét, quyết định về án phí, lệ phí Tòa án.

## **Điều 19. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc thu, nộp, miễn án phí, lệ phí Tòa án**

Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc thu, nộp, miễn nộp một phần, miễn nộp toàn bộ án phí, lệ phí Tòa án, bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

## **CHƯƠNG II ÁN PHÍ TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ**

### **Điều 20. Các loại án phí trong vụ án hình sự**

1. Án phí hình sự sơ thẩm.
2. Án phí hình sự phúc thẩm.
3. Án phí dân sự sơ thẩm đối với trường hợp Tòa án giải quyết cả phần dân sự trong vụ án hình sự, bao gồm án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.
4. Án phí dân sự phúc thẩm đối với trường hợp có kháng cáo về phần dân sự trong vụ án hình sự.

### **Điều 21. Nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí trong vụ án hình sự**

1. Bị cáo và các đương sự trong vụ án hình sự không phải nộp tiền tạm ứng án phí hình sự sơ thẩm, tiền tạm ứng án phí hình sự phúc thẩm và tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.
2. Các đương sự trong vụ án hình sự kháng cáo về phần dân sự phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, trừ trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí hoặc được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của Pháp lệnh này. Mức tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm và thời hạn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm được thực hiện theo quy định tại Điều 28 và Điều 29 của Pháp lệnh này.

### **Điều 22. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm trong vụ án hình sự**

1. Người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.
2. Người bị hại đã yêu cầu khởi tố phải chịu án phí hình sự sơ thẩm trong trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, nếu Tòa án tuyên bố bị cáo không có tội hoặc vụ án bị đình chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 105 của Bộ luật tố tụng hình sự.

3. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự được thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Pháp lệnh này.

### **Điều 23. Nghĩa vụ chịu án phí phúc thẩm trong vụ án hình sự**

1. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo kháng cáo quyết định về hình sự của bản án sơ thẩm phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, nếu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định về hình sự của bản án sơ thẩm.

2. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo kháng cáo quyết định về hình sự và phần dân sự của bản án sơ thẩm phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm, nếu Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm.

3. Người bị hại kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm trong trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại và Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án, quyết định sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không phạm tội.

4. Người kháng cáo phần quyết định về dân sự của bản án sơ thẩm phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 30 của Pháp lệnh này.

5. Trường hợp Toà án cấp phúc thẩm hủy bản án, quyết định sơ thẩm để điều tra, xét xử lại hoặc đình chỉ vụ án thì người kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Người kháng cáo rút đơn kháng cáo trước khi mở phiên toà phúc thẩm hoặc tại phiên toà phúc thẩm không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

7. Người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm trong trường hợp yêu cầu kháng cáo của họ được Toà án chấp nhận.

### CHƯƠNG III ÁN PHÍ TRONG VỤ ÁN DÂN SỰ

#### **Điều 24. Các loại án phí trong vụ án dân sự**

1. Các loại án phí trong vụ án dân sự bao gồm:

- a) Án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự không có giá ngạch;
- b) Án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự có giá ngạch;
- c) Án phí dân sự phúc thẩm.

2. Vụ án dân sự không có giá ngạch là vụ án mà trong đó yêu cầu của đương sự không phải là một số tiền hoặc không thể xác định được giá trị bằng một số tiền cụ thể.

3. Vụ án dân sự có giá ngạch là vụ án mà trong đó yêu cầu của đương sự là một số tiền hoặc là tài sản có thể xác định được bằng một số tiền cụ thể.

#### **Điều 25. Nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm**

1. Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án về tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại và lao động phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, trừ trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí hoặc được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của Pháp lệnh này.

2. Trường hợp vụ án có nhiều nguyên đơn mà mỗi nguyên đơn có yêu



cầu độc lập thì mỗi nguyên đơn phải nộp tiền tạm ứng án phí theo yêu cầu riêng của mỗi người; nếu các nguyên đơn cùng chung một yêu cầu thì các nguyên đơn phải nộp chung tiền tạm ứng án phí.

3. Trường hợp vụ án có nhiều bị đơn mà mỗi bị đơn có yêu cầu phản tố độc lập thì mỗi bị đơn phải nộp tiền tạm ứng án phí theo yêu cầu riêng của mỗi người; nếu các bị đơn cùng chung một yêu cầu phản tố thì các bị đơn phải nộp chung tiền tạm ứng án phí.

4. Người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí trong vụ án dân sự không có giá ngạch phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bằng mức án phí dân sự sơ thẩm; trong vụ án dân sự có giá ngạch phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bằng 50% mức án phí dân sự sơ thẩm mà Tòa án dự tính theo giá trị tài sản có tranh chấp mà đương sự yêu cầu giải quyết.

### **Điều 26. Thời hạn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm**

Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án về việc nộp tiền tạm ứng án phí.

### **Điều 27. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm**

1. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận.

2. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

3. Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận.

4. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận.

5. Bị đơn có yêu cầu phản tố phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo phần yêu cầu phản tố của bị đơn được Tòa án chấp nhận.

6. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo phần yêu cầu độc lập không được Tòa án chấp nhận. Người có nghĩa vụ đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo phần yêu cầu độc lập được Tòa án chấp nhận.

7. Mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản, phần di sản mà họ được hưởng, được chia trong

trường hợp các bên đương sự không tự xác định được phần tài sản của mình trong khối tài sản chung, phần di sản mà mình được hưởng trong khối di sản thừa kế và có một trong các bên yêu cầu Toà án giải quyết chia tài sản chung, di sản thừa kế đó.

8. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Toà án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

9. Các đương sự trong vụ án hôn nhân và gia đình có tranh chấp về việc chia tài sản chung của vợ chồng thì ngoài việc chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 của Pháp lệnh này, còn phải chịu án phí đối với phần tài sản có tranh chấp như đối với vụ án dân sự có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia.

10. Người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quyết định của Toà án phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch.

11. Các bên đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án trong trường hợp Toà án tiến hành hoà giải trước khi mở phiên toà thì phải chịu 50% mức án phí quy định.

12. Trường hợp các bên đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên toà sơ thẩm thì các đương sự vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như trường hợp xét xử vụ án đó.

13. Trong vụ án có người không phải nộp hoặc được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm thì những người khác vẫn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều này.

### **Điều 28. Nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm**

1. Người kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, trừ trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí hoặc được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của Pháp lệnh này.

2. Mức tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bằng mức án phí dân sự phúc thẩm.

### **Điều 29. Thời hạn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm**

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Toà án cấp sơ thẩm về việc nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, người kháng cáo phải nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm và nộp cho Toà án cấp sơ thẩm biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

### **Điều 30. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự phúc thẩm**

1. Đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nếu Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm.

2. Trường hợp Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án, quyết định sơ thẩm bị

kháng cáo thì đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Toà án cấp phúc thẩm phải xác định lại nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Pháp lệnh này.

3. Trường hợp Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo để xét xử sơ thẩm lại thì đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Đương sự rút kháng cáo trước khi mở phiên toà phúc thẩm phải chịu 50% mức án phí dân sự phúc thẩm. Đương sự rút kháng cáo tại phiên toà phúc thẩm phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Trường hợp các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên toà phúc thẩm thì đương sự kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm. Về án phí dân sự sơ thẩm, nếu các đương sự tự thoả thuận được với nhau thì các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì Toà án xác định lại án phí dân sự sơ thẩm theo nội dung thoả thuận về việc giải quyết vụ án tại phiên toà phúc thẩm.

6. Trường hợp nguyên đơn rút đơn khởi kiện trước khi mở phiên toà phúc thẩm hoặc tại phiên toà phúc thẩm và được bị đơn đồng ý thì các đương sự vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quyết định của Toà án cấp sơ thẩm và phải chịu 50% mức án phí dân sự phúc thẩm.

7. Trong vụ án có người không phải nộp hoặc được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm thì những người khác vẫn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các khoản 1, 4, 5 và 6 Điều này.

#### **CHƯƠNG IV**

### **ÁN PHÍ TRONG VỤ ÁN HÀNH CHÍNH**

#### **Điều 31. Các loại án phí trong vụ án hành chính**

1. Án phí hành chính sơ thẩm.
2. Án phí hành chính phúc thẩm.
3. Án phí dân sự sơ thẩm đối với trường hợp có giải quyết về bồi thường thiệt hại, bao gồm án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.
4. Án phí dân sự phúc thẩm đối với trường hợp có kháng cáo về phần bồi thường thiệt hại.

#### **Điều 32. Nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm trong vụ án hành chính**

1. Người khởi kiện vụ án hành chính phải nộp tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm, trừ trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí hoặc được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của Pháp lệnh này.

2. Người yêu cầu bồi thường thiệt hại trong vụ án hành chính không phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí trong vụ án hành chính sơ thẩm phải nộp tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm bằng mức án phí hành chính sơ thẩm.

### **Điều 33. Thời hạn nộp tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm**

Người khởi kiện phải nộp tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Toà án về việc nộp tiền tạm ứng án phí.

### **Điều 34. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm trong vụ án hành chính**

1. Người có quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm trong trường hợp bản án, quyết định của Toà án tuyên quyết định hành chính, hành vi hành chính đó là trái pháp luật.

2. Người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm trong trường hợp bản án, quyết định của Toà án tuyên quyết định hành chính, hành vi hành chính đó là đúng pháp luật.

3. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Pháp lệnh này.

### **Điều 35. Nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong vụ án hành chính**

1. Người kháng cáo phải nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm, trừ trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí hoặc được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của Pháp lệnh này.

2. Mức tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm bằng mức án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các đương sự trong vụ án hành chính kháng cáo về bồi thường thiệt hại phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, trừ trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí hoặc được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của Pháp lệnh này. Mức tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Pháp lệnh này.

### **Điều 36. Thời hạn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong vụ án hành chính**

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Toà án cấp sơ thẩm về việc nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm, tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm trong vụ án hành chính, người kháng cáo phải nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm và nộp cho Toà án cấp sơ thẩm biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

### **Điều 37. Nghĩa vụ chịu án phí phúc thẩm trong vụ án hành chính**

1. Người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, nếu Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm.

2. Trường hợp Toà án cấp phúc thẩm sửa một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, huỷ bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm xét xử lại thì người kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

3. Đương sự rút kháng cáo trước khi mở phiên toà phúc thẩm phải chịu 50% mức án phí hành chính phúc thẩm. Đương sự rút kháng cáo tại phiên toà phúc thẩm phải chịu toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm.

4. Người kháng cáo phần quyết định về bồi thường thiệt hại của bản án sơ thẩm phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 30 của Pháp lệnh này.

5. Người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm trong trường hợp yêu cầu kháng cáo của họ được Tòa án chấp nhận.

## CHƯƠNG V LỆ PHÍ TOÀ ÁN

### Mục 1 LỆ PHÍ TOÀ ÁN GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

#### **Điều 38. Lệ phí giải quyết việc dân sự**

Lệ phí giải quyết việc dân sự bao gồm lệ phí sơ thẩm và lệ phí phúc thẩm.

#### **Điều 39. Nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng lệ phí, lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự**

1. Người nộp đơn yêu cầu Toà án giải quyết những việc dân sự quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều 26 và các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng lệ phí Tòa án, trừ trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng lệ phí Tòa án hoặc được miễn nộp tiền tạm ứng lệ phí Tòa án theo quy định của Pháp lệnh này.

2. Người yêu cầu Toà án giải quyết việc dân sự phải chịu lệ phí sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Toà án chấp nhận hay không chấp nhận đơn yêu cầu của họ, trừ trường hợp không phải nộp lệ phí Tòa án hoặc được miễn nộp lệ phí Tòa án theo quy định của Pháp lệnh này.

#### **Điều 40. Nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng lệ phí, lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự**

1. Người kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều 26 và các khoản 1, 4, 5 và 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự phải nộp tiền tạm ứng lệ phí phúc thẩm, trừ trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng lệ phí Tòa án hoặc được miễn nộp tiền tạm ứng lệ phí Tòa án theo quy định của Pháp lệnh này.

2. Người kháng cáo không phải chịu lệ phí phúc thẩm trong trường hợp yêu cầu kháng cáo của họ được Tòa án chấp nhận; phải chịu lệ phí phúc thẩm trong trường hợp yêu cầu kháng cáo của họ không được Tòa án chấp nhận.

**Điều 41. Thời hạn nộp và mức tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm, phúc thẩm**

1. Người phải nộp tiền tạm ứng lệ phí có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm, phúc thẩm trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án về việc nộp tiền tạm ứng lệ phí, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

2. Người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm, phúc thẩm giải quyết việc dân sự phải nộp tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm, phúc thẩm giải quyết việc dân sự bằng mức lệ phí giải quyết việc dân sự.

**Mục 2**

**CÁC LOẠI LỆ PHÍ TÒA ÁN KHÁC**

**Điều 42. Lệ phí Tòa án giải quyết các việc dân sự liên quan đến hoạt động Trọng tài thương mại Việt Nam**

Người nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết các việc dân sự liên quan đến hoạt động Trọng tài thương mại Việt Nam phải nộp lệ phí Tòa án trong các trường hợp sau đây:

1. Yêu cầu chỉ định, thay đổi trọng tài viên;
2. Yêu cầu áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời;
3. Yêu cầu huỷ quyết định trọng tài;
4. Kháng cáo quyết định của Tòa án, nếu yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận;
5. Yêu cầu Tòa án giải quyết các việc dân sự khác mà pháp luật về Trọng tài thương mại Việt Nam có quy định.

**Điều 43. Lệ phí công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài**

1. Cá nhân, cơ quan, tổ chức phải nộp lệ phí Tòa án trong các trường hợp sau đây:
  - a) Yêu cầu Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài;
  - b) Yêu cầu Tòa án Việt Nam không công nhận bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam;
  - c) Yêu cầu Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài;
  - d) Kháng cáo quyết định của Tòa án đối với yêu cầu quy định tại các

điểm a, b và c khoản này, nếu yêu cầu kháng cáo của họ không được chấp nhận.

2. Khi chuyển hồ sơ cho Toà án, cơ quan nhận đơn yêu cầu của đương sự phải gửi kèm chứng từ thu lệ phí.

#### **Điều 44. Lệ phí nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản**

Chủ doanh nghiệp, đại diện hợp pháp của chủ doanh nghiệp, hợp tác xã, các cổ đông công ty cổ phần, thành viên hợp danh công ty hợp danh, các thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, các chủ nợ không có bảo đảm hoặc có bảo đảm một phần khi nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phải nộp lệ phí.

#### **Điều 45. Lệ phí xét tính hợp pháp của cuộc đình công**

Người sử dụng lao động nộp đơn yêu cầu Toà án xét tính hợp pháp của cuộc đình công phải nộp lệ phí.

#### **Điều 46. Lệ phí bắt giữ tàu biển, tàu bay**

Người nộp đơn yêu cầu Toà án bắt giữ tàu biển, tàu bay phải nộp lệ phí bắt giữ tàu biển, tàu bay.

#### **Điều 47. Lệ phí thực hiện uỷ thác tư pháp của Toà án nước ngoài tại Việt Nam**

Bên nước ngoài uỷ thác tư pháp cho Toà án Việt Nam tiến hành một số hoạt động tố tụng dân sự phải nộp lệ phí, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

#### **Điều 48. Lệ phí cấp bản sao giấy tờ, sao chụp tài liệu tại Toà án**

Người yêu cầu Toà án cấp bản sao giấy tờ, sao chụp tài liệu phải nộp lệ phí Tòa án.

#### **Điều 49. Thời hạn nộp các loại lệ phí Tòa án khác**

1. Người yêu cầu Toà án giải quyết các việc quy định tại các điều từ Điều 42 đến Điều 48 của Pháp lệnh này phải nộp lệ phí cho cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 9 của Pháp lệnh này trong thời hạn do pháp luật quy định.

2. Người kháng cáo quyết định của Tòa án quy định tại khoản 4 Điều 42, điểm d khoản 1 Điều 43 của Pháp lệnh này phải nộp tiền tạm ứng lệ phí kháng cáo trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Toà án về việc nộp lệ phí kháng cáo, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

### **CHƯƠNG VI KHIẾU NẠI VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 50. Giải quyết khiếu nại về án phí, lệ phí Tòa án**

1. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền khiếu nại quyết định, hành vi của cơ quan, người có thẩm quyền về tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí, án phí, lệ phí Tòa án khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

2. Khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Thủ trưởng Cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên về án phí, lệ phí Tòa án được giải quyết theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự.

3. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền khiếu nại đến Chánh án Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án về nộp tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí, lệ phí Tòa án. Chánh án Tòa án cấp sơ thẩm phải xem xét giải quyết khiếu nại trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại. Quyết định của Chánh án Tòa án cấp sơ thẩm là quyết định cuối cùng.

Khiếu nại về án phí, lệ phí Tòa án trong bản án, quyết định của Tòa án được giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tố tụng hình sự hoặc tố tụng hành chính.

4. Khiếu nại về việc thu lệ phí Tòa án của Bộ Tư pháp được giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

#### **Điều 51. Hiệu lực thi hành**

Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2009.

#### **Điều 52. Hướng dẫn thi hành**

Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này.

*Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2009*

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**

**Chủ tịch**

**Đã ký: Nguyễn Phú Trọng**

**VĂN PHÒNG  
CHỦ TỊCH NƯỚC**

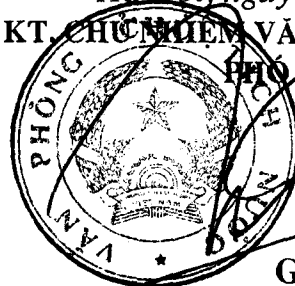
Số: 05 /SY-VPCTN

**SAO Y BẢN CHÍNH**

*Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2009*

**KT. CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG CHỦ TỊCH NƯỚC**

**PHÓ CHỦ NHIỆM**



**Giang Sơn**





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH MỤC  
MỨC ÁN PHÍ, LỆ PHÍ TOÀ ÁN**  
(Ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12  
ngày 27 tháng 02 năm 2009)

**I. Án phí**

1. Mức án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm; mức án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự không có giá ngạch, mức án phí dân sự phúc thẩm; mức án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm:

Loại án phí	Mức án phí
Án phí hình sự sơ thẩm	200.000 đồng
Án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động không có giá ngạch	200.000 đồng
Án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án tranh chấp kinh doanh, thương mại không có giá ngạch	2.000.000 đồng
Án phí hành chính sơ thẩm	200.000 đồng
Án phí hình sự phúc thẩm	200.000 đồng
Án phí dân sự phúc thẩm	200.000 đồng
Án phí hành chính phúc thẩm	200.000 đồng

2. Mức án phí sơ thẩm đối với các vụ án về tranh chấp dân sự có giá ngạch:

Giá trị tài sản có tranh chấp	Mức án phí
a) Từ 4.000.000 đồng trở xuống	200.000 đồng
b) Từ trên 4.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng	5% giá trị tài sản có tranh chấp
c) Từ trên 400.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng	20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng
d) Từ trên 800.000.000 đồng	36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài

đến 2.000.000.000 đồng	sản có tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng
đ) Từ trên 2.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng	72.000.000 đồng + 2% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 2.000.000.000 đồng
e) Từ trên 4.000.000.000 đồng	112.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 4.000.000.000 đồng.

3. Mức án phí sơ thẩm đối với các vụ án về tranh chấp kinh doanh, thương mại có giá ngạch:

Giá trị tranh chấp	Mức án phí
a) Từ 40.000.000 đồng trở xuống	2.000.000 đồng
b) Từ trên 40.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng	5% của giá trị tranh chấp
c) Từ trên 400.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng	20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng
d) Từ trên 800.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng	36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng
đ) Từ trên 2.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng	72.000.000 đồng + 2% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 2.000.000.000 đồng
e) Từ trên 4.000.000.000 đồng	112.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 4.000.000.000 đồng.

4. Mức án phí sơ thẩm đối với các vụ án về tranh chấp lao động có giá ngạch:

Giá trị tranh chấp	Mức án phí
a) Từ 4.000.000 đồng trở xuống	200.000 đồng
b) Từ trên 4.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng	3% của giá trị tranh chấp, nhưng không dưới 200.000 đồng
c) Từ trên 400.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng	12.000.000 đồng + 2% của phần giá trị có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng

d) Từ trên 2.000.000.000 đồng	44.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị có tranh chấp vượt quá 2.000.000.000 đồng
-------------------------------	---

## II. Lệ phí Tòa án

### 1. Mức lệ phí Tòa án giải quyết việc dân sự:

Loại lệ phí	Mức lệ phí
Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự	200.000 đồng
Lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự	200.000 đồng

### 2. Mức lệ phí Tòa án giải quyết các việc dân sự liên quan đến Trọng tài thương mại Việt Nam:

Loại lệ phí	Mức lệ phí
Lệ phí yêu cầu Tòa án chỉ định trọng tài viên, thay đổi trọng tài viên	200.000 đồng
Lệ phí yêu cầu Tòa án xem xét lại quyết định của Hội đồng trọng tài về thỏa thuận trọng tài, về thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp của Hội đồng trọng tài	300.000 đồng
Lệ phí yêu cầu Tòa án áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời liên quan đến trọng tài	500.000 đồng
Lệ phí kháng cáo quyết định của Tòa án liên quan đến trọng tài	300.000 đồng

### 3. Mức lệ phí yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài:

Người yêu cầu	Mức lệ phí
Cá nhân thường trú tại Việt Nam, cơ quan, tổ chức có trụ sở chính tại Việt Nam	2.000.000 đồng
Cá nhân không thường trú tại Việt Nam, cơ quan, tổ chức không có trụ sở chính tại Việt Nam	4.000.000 đồng
Người kháng cáo quyết định của Tòa án	200.000 đồng

## 4. Mức lệ phí Tòa án khác:

<b>Loại lệ phí</b>	<b>Mức lệ phí</b>
Lệ phí nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản	1.000.000 đồng
Lệ phí xét tính hợp pháp của cuộc đình công	1.000.000 đồng
Lệ phí bắt giữ tàu biển	5.000.000 đồng
Lệ phí bắt giữ tàu bay	5.000.000 đồng
Lệ phí thực hiện ủy thác tư pháp của Tòa án nước ngoài tại Việt Nam	5.000.000 đồng
Lệ phí cấp bản sao giấy tờ, sao chụp tài liệu tại Tòa án	1.000 đồng/trang